

Số: 7 /CBG-SXD

Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
THÁNG 7/2025

SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4857/UBND-XD ngày 24/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc uỷ quyền công bố Chỉ số giá xây dựng; Giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình; Đơn giá nhân công xây dựng; Giá ca máy và thiết bị thi công; Giá thuê máy và thiết bị thi công trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Kinh tế, Quản lý đầu tư xây dựng; Công văn số 79/CV-HCDC ngày 11/8/2025 và Hồ sơ khảo sát giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng tháng 7/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng;

CÔNG BỐ

I. Giá vật liệu xây dựng thành phố Hải Phòng thời điểm tháng 7 năm 2025: Làm cơ sở để chủ đầu tư sử dụng tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Giá vật liệu xây dựng được công bố chưa loại trừ các khoản chiết khấu, ưu đãi, giảm giá, hoa hồng... (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh; không có giá trị dùng để thanh toán, quyết toán (việc thanh toán, quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành)

Công bố giá vật liệu xây dựng bao gồm:

1. Phụ lục 1: Công bố giá một số loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn các phường, xã, đặc khu - thành phố Hải Phòng căn cứ: (1) Báo cáo kết quả khảo sát của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng; (2) Bảng cung cấp thông tin giá vật liệu xây dựng tổng hợp tháng 7 năm 2025 do Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu cung cấp;

2. Phụ lục 2: Công bố giá một số loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng (hoặc cung cấp từ nơi khác vận chuyển đến địa bàn thành phố Hải Phòng) theo thông tin từ Bảng báo giá của các tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng đề nghị công bố giá.

II. Một số vấn đề cụ thể

1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng căn cứ các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hướng dẫn của các Sở chuyên ngành, địa điểm xây dựng công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý, xác định cước phí vận chuyển, bốc xếp vật liệu đến hiện trường xây dựng, từ đó xác định giá vật liệu phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình và mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

2. Đối với một số loại vật liệu trong từng thời điểm có biến động lớn (cả tăng và giảm), thay đổi liên tục trong thời gian ngắn (từng ngày): Chủ đầu tư cần chủ động cập nhật giá vật liệu phù hợp với giá thị trường theo đúng các quy định hiện hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tiến độ thực hiện thi công công trình và kịp thời phản ánh thông tin về Sở Xây dựng.

3. Đối với vật liệu cát đen phục vụ san lấp bằng phương pháp bơm cát từ sà lan hoặc bãi tập kết vật liệu: Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng cát đen trước khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình. Giá của loại vật liệu này phải phù hợp với biện pháp thi công, độ chặt san lấp và các quy định có liên quan.

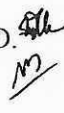
4. Sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng đưa vào sử dụng cho các công trình phải có chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng hàng hoá theo quy định.

5. Thông tin giá của các loại vật liệu phải từ nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng có giấy phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

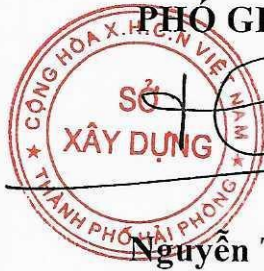
6. Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại mục 3 Phụ lục của Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2025 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Có thể tham khảo giá của loại vật liệu xây dựng có tiêu chuẩn, chất lượng tương tự được công bố tại các địa phương lân cận đảm bảo mức giá phù hợp tại thời điểm xác định chi phí.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động về giá và nguồn cung đề nghị các chủ đầu tư, đơn vị tư vấn và các tổ chức có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng Hải Phòng để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. 

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để B/c);
- UBND thành phố (để B/c);
- UBND các phường, xã, đặc khu;
- Sở Tài chính HP;
- Website SXD;
- Lưu: VT, KTQLĐT XD. 

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Hải

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm thuế VAT														
							KV1	KV2	KV3	KV4	KV5	KV6	KV7	KV8	KV9	KV10	KV11	KV12	KV13	KV14	KV15
22	Gỗ xây dựng	Gỗ cốp pha	m3		dây 2-3cm	công trình	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000
23	Vật liệu khác	Gỗ dầm phủ phum	tám		KT 1220x2440x12mm	Đến chân công trình	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	265.000
24	Vật liệu khác	Gỗ dầm phủ phum	tám		KT 1220x2440x15mm	Đến chân công trình	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	320.000
25	Gạch ốp lát	Gạch Cotto	m2	TCVN 7745:2007	KT 400x400	Đến chân công trình	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	110.000	107.000
26	Gạch ốp lát	Gạch Cotto	m2	TCVN 7745:2007	KT 500x500	công trình	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	115.000	112.000
27	Gạch ốp lát	Gạch Temazzo	m2	TCVN 7744:2013	KT 300x300	Đến chân công trình	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	75.000	72.000
28	Gạch ốp lát	Gạch Temazzo	m2	TCVN 7744:2013	KT 400x400	công trình	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	75.000	72.000
29	Vật liệu khác	Chậu rửa đất bản Viglacera	bộ	TCVN 12648:2020		Đến chân công trình	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.170.000	1.135.000
30	Vật liệu khác	Chậu rửa âm bản Viglacera	bộ	TCVN 12648:2020		Đến chân công trình	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	940.000	905.000
31	Vật liệu khác	Chậu rửa treo tường Viglacera	bộ	TCVN 12648:2020		Đến chân công trình	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	510.000	475.000
32	Vật liệu khác	Vòi chậu rửa mặt Viglacera	bộ			Đến chân công trình	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	590.000	585.000
33	Vật liệu khác	Bệ xi bet	bộ	TCVN 12649:2020	2 khối	công trình	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.510.000	1.475.000
34	Vật liệu khác	Bồn tiểu nam Viglacera	bộ	TCVN 12651:2020		Đến chân công trình	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	510.000	475.000
35	Vật liệu khác	Bồn tiểu nữ Viglacera	bộ	TCVN 12651:2020		Đến chân công trình	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	840.000	835.000
36	Vật liệu khác	Van xả tiểu nam Viglacera	bộ			Đến chân công trình	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	640.000	635.000
37	Vật liệu khác	Vòi xịt Viglacera	bộ			Đến chân công trình	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	190.000	185.000
38	Vật liệu khác	Sơn tắm Viglacera	bộ			Đến chân công trình	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.450.000	1.435.000
39	Vật liệu khác	Bình nóng lạnh	bộ		30L Ariston	công trình	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.450.000	2.415.000
40	Vật liệu khác	Bình nóng lạnh	bộ		30L Rossi	công trình	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.650.000	1.615.000
41	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt 12KN	m2		Cường độ chịu nén 12KN/m	công trình	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400

Ghi chú:

- Giá vật liệu xây dựng trong tháng 7 năm 2025 (chưa bao gồm VAT) là giá bình quân trên địa bàn các phường, xã, đặc khu phía Đồng thành phố Hải Phòng.

- Vật liệu khi đưa vào sử dụng phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.



PHỤ LỤC I

(Kèm theo Công bố giá VLXD số /CBG-SXD ngày /2025)

CÔNG BỐ GIÁ BÌNH QUẢN MỘT SỐ LOẠI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU CỦA THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

II. KHU VỰC PHÍA TÂY HẢI PHÒNG

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu/loại vật liệu xây dựng (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)	Quy cách	Vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm thuế VAT										
							KV16	KV17	KV18	KV19	KV20	KV21	KV22	KV23	KV24	KV25	KV26
23	Vật liệu khác	Gỗ dán phủ phim	tấm		KT 1220x2440x15mm	Đến chân công trình	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000
24	Gạch ốp lát	Gạch Cotto	m2	TCVN 7745:2007	KT 400x400	Đến chân công trình	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
25	Gạch ốp lát	Gạch Cotto	m2	TCVN 7745:2007	KT 500x500	Đến chân công trình	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
26	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo	m2	TCVN 7744:2013	KT 300x300	Đến chân công trình	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
27	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo	m2	TCVN 7744:2013	KT 400x400	Đến chân công trình	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
28	Vật liệu khác	Chậu rửa đặt bàn Viglacera	bộ	TCVN 12648:2020		Đến chân công trình	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000
29	Vật liệu khác	Chậu rửa âm bàn Viglacera	bộ	TCVN 12648:2020		Đến chân công trình	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000
30	Vật liệu khác	Chậu rửa treo tường Viglacera	bộ	TCVN 12648:2020		Đến chân công trình	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
31	Vật liệu khác	Vòi chậu rửa mặt Viglacera	bộ			Đến chân công trình	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000	580.000
32	Vật liệu khác	Bệ xi bệ	bộ	TCVN 12649:2020	2 khối	Đến chân công trình	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000
33	Vật liệu khác	Bồn tiểu nam Viglacera	bộ	TCVN 12651:2020		Đến chân công trình	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
34	Vật liệu khác	Bồn tiểu nữ Viglacera	bộ	TCVN 12651:2020		Đến chân công trình	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000
35	Vật liệu khác	Van xả tiểu nữ Viglacera	bộ			Đến chân công trình	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000	830.000
36	Vật liệu khác	Vòi xịt Viglacera	bộ			Đến chân công trình	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
37	Vật liệu khác	Sen tắm Viglacera	bộ			Đến chân công trình	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000	1.430.000
38	Vật liệu khác	Bình nóng lạnh	bộ			Đến chân công trình	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000
39	Vật liệu khác	Bình nóng lạnh	bộ			Đến chân công trình	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000
40	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt 12KN	m2		Cường độ chịu nén 12KN/m	Đến chân công trình	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400

Ghi chú:

- Giá vật liệu xây dựng trong tháng 7 năm 2025 (chưa bao gồm VAT) là giá bình quân trên địa bàn các phường, xã, phía Tây thành phố Hải Phòng.
- Vật liệu khi đưa vào sử dụng phải đảm bảo chất lượng, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

Ký hiệu tại Phụ lục I:

TT	Ký hiệu	Khu vực	Ghi chú
1	KV1	Gồm các Phường: Kiến An; Phù Liễn	Khu vực phía Đông Hải Phòng
2	KV2	Gồm các Phường: Lê Chân; An Biên	
3	KV3	Gồm các Phường: Hồng Bàng; Hồng An	
4	KV4	Gồm các Phường: Ngô Quyền; Gia Viên	
5	KV5	Gồm các Phường: Hải An; Đông Hải	
6	KV6	Gồm các Phường: Dương Kinh; Hưng Đạo	
7	KV7	Gồm các Phường: An Dương; An Hải; An Phong	
8	KV8	Gồm các Phường: Thủy Nguyên; Thiên Hương; Hòa Bình; Nam Triệu; Bạch Đằng; Lưu Kiếm; Lê Ích Mộc; Việt Khê	
9	KV9	Gồm các Phường: Đồ Sơn; Nam Đồ Sơn	
10	KV10	Gồm các xã: Kiến Thụy; Kiến Minh; Kiến Hải; Kiến Hưng; Nghi Dương	
11	KV11	Gồm các xã: An Hưng; An Khánh; An Quang; An Trường; An Lão	
12	KV12	Gồm các xã: Quyết Thắng; Tiên Lãng; Tân Minh; Tiên Minh; Chấn Hưng; Hùng Thắng	
13	KV13	Gồm các xã: Vĩnh Bảo; Nguyễn Bình Khiêm; Vĩnh Am; Vĩnh Hải; Vĩnh Hòa; Vĩnh Thịnh; Vĩnh Thuận	
14	KV14	Đặc khu Cát Hải 1: Khu vực Cát Bà cũ	
15	KV15	Đặc khu Cát Hải 2: Khu vực Cát Hải cũ	
16	KV16	Gồm các Phường: Hải Dương; Lê Thanh Nghị; Việt Hòa; Thành Đông; Nam Đồng; Tân Hưng; Thạch Khôi; Tứ Minh; Ái Quốc	Khu vực phía Tây Hải Phòng
17	KV17	Gồm các xã: Gia Lộc; Yết Kiêu; Gia Phúc; Trường Tân	
18	KV18	Gồm các xã: Tứ Kỳ; Tân Kỳ; Đại Sơn; Chí Minh; Lạc Phượng; Nguyên Giáp	
19	KV19	Gồm các xã: Ninh Giang; Vĩnh Lại; Khúc Thừa Dụ; Tân An; Hồng Châu	
20	KV20	Gồm các xã: Thanh Miện; Bắc Thanh Miện; Hải Hưng; Nguyễn Lương Bằng; Nam Thanh Miện;	

TT	Ký hiệu	Khu vực	Ghi chú
21	KV21	Gồm các xã: Kê Sặt; Bình Giang; Đường An; Thượng Hồng	Khu vực phía Tây Hải Phòng
22	KV22	Gồm các xã: Mao Điền; Cẩm Giàng; Cẩm Giang; Tuệ Tĩnh	
23	KV23	Gồm các xã: Nam Sách; Thái Tân; Trần Phú; Hợp Tiến; An Phú	
24	KV24	Gồm các xã: Thanh Hà; Hà Tây; Hà Bắc; Hà Nam; Hà Đông;	
25	KV25	Gồm các Phường: Chu Văn An; Chí Linh; Trần Hưng Đạo; Nguyễn Trãi; Trần Nhân Tông; Lê Đại Hành	
26	KV26	Gồm các xã: Phú Thái; Lai Khê; An Thành; Kim Thành;	
27	KV27	Gồm các Phường: Kinh Môn; Nguyễn Đại Năng; Trần Liễu; Bắc An Phú; Phạm Sư Mạnh; Nhị Chiểu và xã Nam An Phú	

**Phụ lục 2: Thông tin giá của các đơn vị sản xuất,
kinh doanh vật liệu xây dựng**
(kèm theo Công bố giá số .../SXD-CBG ngày /8/2025
của Sở Xây dựng Hải Phòng)

I. Sắt thép xây dựng

1. Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên

- Thép xây dựng : Thông báo giá ngày 19 tháng 6 năm 2025.
- Thép ống: Thông báo giá có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2025 đến ngày 30/6/2025.

2. Công ty cổ phần gang thép Thái Nguyên (TISCO)

Quyết định số 467/QĐ-GTTN ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc ban hành giá thép cốt thép bê tông tại công ty.

3. Công ty Cổ phần Tập đoàn Vas Nghi Sơn

Công văn số 068/CV.24/VASG-PKD ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

4. Công ty Cổ phần luyện thép cao cấp Việt Nhật

Số 0607/2025/CV/VJS-MAR ngày 01/7/2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

II. Xi măng

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Vật liệu xây dựng Thành Công

Công văn số 0102/TCI-VPĐP ngày 01 tháng 2 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Công ty Cổ phần Vissai Hà Nam

Công văn số 39/CV-VHN ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty sản xuất Vật liệu xây dựng Phú Yên

Công văn số 01/CBG-PY ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

4. Công ty Xi măng Chinfon

Công văn số 459-3/CFC-M0 ngày 01/7/2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Công ty Xi măng Vicem Hải Phòng

Công văn số 179/CV-XNTT ngày 30/6/2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6. Công ty CP Xi măng Long Thành

Công văn số 239/2025/ĐN-XMLT ngày 02/8/2025 về việc đăng ký công bố giá vật liệu xây dựng trong công bố giá vật liệu xây dựng hàng tháng của Sở Xây dựng Hải Phòng.

III. Bê tông thương phẩm

1. Công ty cổ phần liên doanh bê tông Thành Hưng ⁽¹⁾

Công văn số 03.2025 ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Công ty cổ phần thương mại sản xuất và xây dựng vận tải Kim Long ⁽¹⁾

Công văn số 02.25/CV ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

IV. Kết cấu thép

1. Công ty Cổ phần Austnam (Tám lợp kim loại)

Công văn số 03 ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

V. Cấu kiện bê tông đúc sẵn

1. Nhà máy bê tông Amaccas Chi nhánh công ty cổ phần Avia

Công văn số 0201/2023 ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Công ty Cổ phần xây dựng Tâm An

Công văn số 002/TA ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phượng Hoàng (Cống bê tông đúc sẵn)

Công văn số 01/CVPH ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

4. Công ty T.N.H.H Sản xuất - Xây dựng và Thương mại Hòa Bình (Cột điện bê tông ly tâm và Cột điện bê tông chữ H)

Công văn số 01.8/CV/HB ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

5. Công ty TNHH Ecobrick (Gạch bê tông, gạch tự chèn)

Công văn số 0715/CV-EB ngày 15 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6. Hợp tác xã Hưng Thịnh (Gạch bê tông, các loại gạch không nung và gạch lát vỉa hè)

Công văn số 3101/HTX-VPĐP ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

7. Công ty Cổ phần đầu tư Eco BMC (Gạch bê tông cường độ cao)

Công văn số 2802/CV/BMC ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

8. Công ty cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Khánh (Gạch bê tông)

Công văn số LK11/2024 ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

9. Công ty TNHH Neotech (Bê tông bọt)⁽¹⁾

Công văn số 107/CV-NEO ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

VI. Nhựa đường

1. Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex

Thông báo số 373/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01 tháng 4 năm 2025 thông báo giá định hướng nhựa đường Petrolimex.

VII. Sơn

1. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Sơn Quốc tế Five Nano

Công văn số 003/CV-IN ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sơn Hòa Bình



Công văn số 2607/2023/CV/SXDHD-HBP ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam

Công văn ngày 01 tháng 07 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Công ty Cổ phần Công nghệ Bello Việt Nam

Công văn số 06/CV23/BL ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

5. Công ty Cổ phần Xây dựng vận tải biển Gia Phong

Công văn số 301/CV-2024 ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

6. Chi nhánh Công ty cổ phần L.Q Joton tại Hải Dương

Công văn số 01-25/JT-CNHD ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Akzo Nobel Việt Nam

Công văn số 87756/12/2023/ADM/ANP ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

8. Công ty Cổ phần Liên doanh Sơn và Vật liệu phủ PCI (Sơn nước, bột trét)

Công văn số 06/CBG-PCI ngày 29 tháng 4 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

9. Công ty Cổ phần Kingmann Paint&Coating

Công văn số 02/CBG-KM ngày 09 tháng 5 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

10. Công ty Cổ phần Tây Bắc - BQP (Sơn nước)

Công văn số 04/CBG-TB ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

11. Công ty T.N.H.H Sơn Asama Việt Nam (Sơn nước)

Công văn số 03/CBG-TB ngày 31 tháng 7 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

12. Công ty Cổ phần Sơn Jymec Việt Nam (Sơn nước)

Công văn số 0105/JYMEC ngày 02 tháng 8 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

13. Công ty Cổ phần ATA Paint Hà Nam (Sơn, bột bả tường - thạch cao)

Công văn số 2320/CV-ATA ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

14. Công ty Cổ phần Infor Việt Nam

Công văn số 0406/CBG-IF ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

15. Công ty TNHH Công nghệ Vật liệu sơn nền Trung Hằng Việt Nam (Sơn sàn)

Công văn số 04.11/CV/2024 ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

16. Công ty Cổ phần Melko

Công văn số 01/ MELCO ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

17. Công ty Cổ phần Original Paint Maker

Công văn số 01/CBG-TB ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

18. Công ty TNHH Nippon Paint

Công văn số 03/2025/NPV ngày 01 tháng 07 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

19. Công ty cổ phần Windy VietNam

Công văn số 01HP-2007.25/CV-WD ngày 20 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

VIII. Vật tư điện

1. Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam (Sản phẩm đèn Led)

Công văn số 157/VLE ngày 01 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Công ty TNHH Vonta Việt Nam (Sản phẩm cột đèn, đèn led chiếu sáng đường phố)

Công văn số 02.12/CV/2024 ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc (Sản phẩm chiếu sáng, thiết bị đô thị)

Văn bản số 2501/MB ngày 01 tháng 3 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

4. Công ty cổ phần điện và chiếu sáng An Phú (Chiếu sáng thiết bị đô thị)

Công văn số 11.24/CV/APLICO-CBGLS ngày 01 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

5. Công ty cổ phần chiếu sáng đô thị Hoàng Gia (Sản phẩm chiếu sáng)

Công văn số 4/GLSHD ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

6. Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đại Thịnh Phú (Sản phẩm chiếu sáng)

Công văn số 02/2024TBG-LS ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

7. Công ty Cổ phần Winco Việt Nam (Sản phẩm thiết bị chiếu sáng)

Công văn số 001/WINCO-CV ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

8. Công ty cổ phần Xây dựng và Thiết bị Thủ Đô (Sản phẩm đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng)

Công văn số 01/2025/TĐ-BGHD ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

9. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Toàn Phát (Cột đèn và phụ kiện)

Công văn số 01/2025/TP-BGHD ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

10. Công ty Cổ phần Điện và Chiếu sáng Phú Thắng (Thiết bị chiếu sáng)

Công văn số 01072025/CVLS-PT ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

11. Công ty Cổ phần Đông Giang (Dây và cáp điện)

Công văn số 301/2024/CV-ĐG ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

12. Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Thượng Đình (Dây và cáp điện)

Công văn số 30/CV-CADISUN ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

13. Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Công nghiệp DHTECH (Đèn Led chiếu sáng đường phố)

Công văn số 1804/DHTECH-HD ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

14. Công ty Cổ phần Thương mại và Cơ điện VIE (Đèn chiếu sáng và thiết bị điều khiển)

Công văn số 0624/VIE-CBGHD ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

15. Công ty cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (Đèn chiếu sáng và thiết bị điều khiển)

Bảng giá 2025.

16. Công ty cổ phần thiết bị điện Vinshine (Đèn Led chiếu sáng dân dụng)

Công văn số 108/VSLT/SXDHD. ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

17. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Phúc
(Đèn chiếu sáng và Cột đèn chiếu sáng)

Công văn số TP/02 ngày 01 tháng 02 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

18. Công ty TNHH đầu tư sản xuất & TM Hoàng Minh (Sản phẩm đèn led, cột thép và tủ điện)

Công văn số 0608/HM-CBLG/2025 ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

19. Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ (Sino-Vanlock) (Thiết bị điện)

Các bảng giá:

19.1 Thiết bị bảo vệ cho mạng điện hạ thế.

19.2 Ổ cắm, công tắc và phụ kiện.

19.3 Dây cáp mạng.

19.4 Tủ điện.

19.5 Ống luồn dây điện và phụ kiện.

IX. Vật liệu nước

1. Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bưu điện (Ống nhựa)

Công văn số 3001/CBGLS-PCM ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Chi nhánh Công ty cổ phần Nhựa Hoa Sen - Nhà máy Nhựa Hà Nam
(Ống nhựa)

Công văn số 1224/BTB-HSN ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty cổ phần Visuco (Ống nhựa xoắn HDPE, ống nhựa gân xoắn HDPE 2 vách)

Công văn số 01.07 CVVS ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

4. Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (Ống nhựa cấp thoát nước)

Công văn số 28/NTP-PTTTT2 ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

5. Công ty cổ phần nhựa Châu Âu Xanh (ống nhựa)

Công văn về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6. Công ty cổ phần sản xuất và đầu tư Sao Kim (ống nhựa)

Công văn số 03.25/CV-SK ngày /7/2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

7. Công ty Cổ phần đầu tư Công nghiệp Thuận Phát (Ống nhựa u.PVC, HDPE, PPR và ống HDPE gân sóng 2 lớp)

Công văn số 1403/CC/TP-25 ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

8. Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ (Sino-Vanlock) (ống cấp thoát nước)

Các bảng giá:

- Ống cấp nước sạch PP-R và phụ kiện.
- Ống cấp nước.
- Ống thoát nước u.PVC và phụ kiện (02 bảng).

9. Công ty cổ phần Đầu tư và Sản xuất HCL (Vật tư ngành nước)

Công văn số 45/2024/HCL/CV ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

10. Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Vân Giang (Vật tư ngành nước)

Công văn số 01/VG-SXDHD ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

11. Công ty cổ phần Cúc Phương (Vật tư ngành nước)

Công văn số 01/CV-CBG ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

12. Công ty Cổ phần đầu tư Minh Hòa (Van và phụ kiện cấp nước)

Bảng giá Quý 3-2024 (áp dụng từ ngày 01-7-2024 đến hết ngày 30-9-2024).

X. Cửa khung nhựa/ nhôm

1. Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Phát triển Thiên Phú (Cửa kính khung nhôm)

Công văn số 78/2023/TP ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Công ty TNHH Một thành viên Duyên Hòa Phát (Cửa kính khung nhôm)

Công văn số 01/DHP ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp (Cửa kính khung nhôm)

Công văn số 08/2025/CV-NVP ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Công ty Cổ phần Alumik Việt Nam (Cửa nhôm kính, cửa chống cháy)

Công văn số 79/KH-ALUMIK ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

XI. Gạch ốp Lát

1. Công ty Cổ phần RedstarCera

Công văn số 766/CV-RC ngày 30 tháng 9 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Công ty T.N.H.H Thạch Bàn

Công văn số 270/2024/CV-TBI/DA ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Xuất nhập khẩu Prime (Gạch ốp lát)

Công văn số 398/ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

4. Công ty cổ phần gốm sứ CTH

Công văn số 01/CTH-CBG ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

5. Công ty Cổ phần Prime Group

Công văn số 2232/CV-TM ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

6. Tổng Công ty Viglacera- CTCP

Công văn số 1167.1/VIKD-DA ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

7. Công ty Cổ phần CMC

Công văn số 107/CV-CMC ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc cập nhật công bố giá vật liệu xây dựng trong Công bố giá VLXD hàng tháng của Sở Xây dựng Hải Phòng

XII. Vật liệu khác

1. Công ty T.N.H.H Thương mại và Đầu tư Thành An (Nắp hố ga, song chắn rác)

Công văn số 01/2024/CV-TA ngày 01 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

2. Công ty TNHH Deviwas (Đồng hồ nước)

Công văn số 01/2023-DEVIWAS ngày 30 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

3. Công ty TNHH UHM Việt Nam (Phụ kiện nối ống HDPE và đồng hồ đo nước)

Công văn số 2901/UHMLVN ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

4. Công ty Cổ phần Bơm Công nghiệp Hải Dương (Máy bơm nước và máy đóng mở)

Công văn số 002/CVVK-BCN ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

5. Công ty Cổ phần Fire Front Việt Nam (Bình cứu hoả và thiết bị PCCC)

Công văn số 05 CV/FFVN ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

6. Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (Sứ cách điện)

Công văn số 28/SUHLS-CV ngày 28 tháng 6 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

7. Công ty TNHH Xây dựng thương mại Địa kỹ thuật Ngọc Phát (Lưới địa kỹ thuật sợi thủy tinh)

Công văn số 01-NP/2023 ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

8. Công ty Cổ phần Thương mại & Công nghiệp Cẩm Phả (Tro xỉ nhiệt điện đốt than làm vật liệu san lấp)

Thông báo giá bán tro xỉ số 02.03/BGTX ngày 21 tháng 3 năm 2024.

9. Công ty Cổ phần điện nước Minh Ngọc (Đất san lấp)

Công văn số 28/CTMN ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

10. Công ty cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Minh Hằng (Cát nghiền và Đất san lấp)

Công văn số 212/CTMH ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

11. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thiên Quý (cát san lấp)⁽¹⁾

Công văn số 01.07/2025/CV-TQ ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

12. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và PT đô thị Hiệp Cường (đất san lấp)⁽¹⁾

Công văn số 03/2025 ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

13. Công ty TNHH Thương mại và Vật liệu xây dựng BMB (Phụ gia bê tông)

Công văn số 041124/CVBMB ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

14. Công ty Cổ phần đầu tư, sản xuất, thương mại Greenmix (Phụ gia bê tông)

Công văn số 01/GR-CBG ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

15. Công ty TNHH GPS Việt Nam (Vật liệu chống thấm, vữa trộn sẵn không co ngót, băng cản nước)

Công văn số 2001/CV-GPS/2025 ngày 20 tháng 01 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

16. Công ty Cổ phần Silkroad Hà Nội (Phụ gia bê tông)

Công văn số 121224/2024/CV-SRHN ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

17. Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại HCT Việt Nam (Tấm Tường 3D)

Công văn số 0101/V-3D ngày 02 tháng 01 năm 2025 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

18. Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam (Carboncor Asphalt)

Công văn số 03/2025/CV-TGD ngày 17 tháng 12 năm 2024 về việc đăng ký cung cấp thông tin phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng, thiết bị công trình trên địa bàn tỉnh Hải Dương (cũ).

⁽¹⁾ Đề nghị các đơn vị lưu ý yêu cầu doanh nghiệp cung cấp hồ sơ đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật khi có nhu cầu sử dụng.

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ
CHIẾU SÁNG MIỀN BẮC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2025

BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VLXD TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG
(kèm theo Công văn số: **2501/MB** ngày 01/03/2025 của Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc)

1. Bảng giá bán sản phẩm, hàng hoá.

Đơn vị : Đồng

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn (Quy chuẩn kỹ thuật)*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Khu vực	Bình Giang	Cẩm Giang	Gia Lộc	Kim Thành	Nam Sách	Ninh Giang	Thanh Hà	Thanh Miện	Tứ Kỳ	TP Chí Linh	TP Hải Dương	TX Kinh Môn
1	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000	3.286.000
2	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000
3	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000	4.320.000
4	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015)		Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000	5.990.000

				(ISO 9001:2015)																	
5	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000	3.608.000
6	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000	3.774.000
7	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000	4.135.000
8	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000	4.721.000
9	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000	4.982.000
10	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-50W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000
11	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-60W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000	5.980.000

				(ISO 9001:2015)																			
12	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-80W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000	6.484.000
13	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-100W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000	7.377.000
14	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-100W DIM DALI	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000	8.385.000
15	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-120W DIM DALI	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000	8.952.000
16	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-150W DIM DALI	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000	9.385.000
17	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-160W DIM DALI	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000	10.797.000

18	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-100W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000	6.710.000
19	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-120W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000	7.160.000
20	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố C-WIN-150W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000	7.510.000
21	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố D-WIN-150W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000	6.010.000
22	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000	1.015.000
23	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000	3.955.000
24	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000	1.641.000

25	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000	4.345.000
26	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000	1.936.000
27	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000	4.510.000
28	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000
29	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-50W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200	1.817.200
30	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-70W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000	1.980.000
31	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000	2.390.000

32	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-90W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000	2.121.000
33	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000	2.177.000
34	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000	2.585.000
35	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000	2.774.000
36	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000	3.258.000
37	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000	3.235.000
38	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000	3.721.000



CÔNG TRÁCH THIẾT CH M NAM T

39	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000	3.797.000
40	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000	4.328.000
41	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000	4.850.000
42	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000	5.018.000
43	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000	4.070.000
44	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000	6.536.000
45	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000	7.050.000

46	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2:3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đèn công trình trên tỉnh Hải Dương			7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000	7.881.000
47	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2:3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đèn công trình trên tỉnh Hải Dương			8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000	8.280.000
48	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2:3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đèn công trình trên tỉnh Hải Dương			8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000	8.480.000
49	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2:3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đèn công trình trên tỉnh Hải Dương			6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000	6.190.000
50	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2:3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đèn công trình trên tỉnh Hải Dương			8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000	8.540.000
51	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2:3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đèn công trình trên tỉnh Hải Dương			5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000
52	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2:3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đèn công trình trên tỉnh Hải Dương			6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000	6.150.000

53	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000	6.440.000
54	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000	7.880.000
55	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000	12.430.000
56	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000	14.650.000
57	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000	9.120.000
58	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000	10.230.000
59	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB05-200w	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000	2.297.000

60	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-300w	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000	3.795.000
61	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02- 400w	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000	4.155.000
62	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-500w	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000	5.995.000
63	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB03-600w	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000	7.952.000
64	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB04-800w	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800	14.167.800
65	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB07-1000w	Cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800	16.667.800
66	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000

Y/SC
UHA
NV.
IG
PH

67	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000	325.000
68	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000
69	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M24, KT: (300x300x675)mm	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
70	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 13-16m)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000	1.985.000
71	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø450mm, cao 1500mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000	2.480.000
72	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 18 Bulông M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng địa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000	9.860.000
73	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 20 Bulông M30, KT: Ø900mm, cao 2000mm (2 tầng địa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000



74	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D141, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000	5.115.000
75	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000	3.685.000
76	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D168, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000	6.120.000
77	Vật tư ngành điện	Đế gang DP03 cho cột thép	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000	6.116.000
78	Vật tư ngành điện	Đế DP01 (lắp cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,5m)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000	4.147.000
79	Vật tư ngành điện	Đế gang cu toí DP04 cho cột thép	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000	3.905.000
80	Vật tư ngành điện	Đế gang DP02 cho cột thép	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000	7.699.000

73
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

81	Vật tư ngành điện	Đế gang PINE cho cột sản vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000	3.900.000
82	Vật tư ngành điện	Đế gang DC06 cho cột sản vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000	3.952.000
83	Vật tư ngành điện	Đế gang DC05 cho cột sản vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000	7.794.000
84	Vật tư ngành điện	Đế gang DC01 cho cột thép	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000	4.645.000
85	Vật tư ngành điện	Đế gang BANIAN cho cột sản vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000	4.534.000
86	Vật tư ngành điện	Đế gang NOUVO cho cột sản vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000	5.689.000
87	Vật tư ngành điện	Đế gang DC02 cho cột sản vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000	3.513.000
88	Vật tư ngành điện	Chùm CH02 (4+1)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000	1.178.000

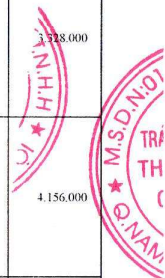
97	Vật tư ngành điện	Chùm CH11 (3+1)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000	1.717.000
98	Vật tư ngành điện	Chùm CH11 (4+1)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000	1.993.000
99	Vật tư ngành điện	Chùm CH12	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900	1.593.900
100	Vật tư ngành điện	Đèn Jupiter	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000	1.731.000
101	Vật tư ngành điện	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000	3.766.000
102	Vật tư ngành điện	Cản đơn MB01-D	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000	1.157.000
103	Vật tư ngành điện	Cản kép MB01-K	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000	1.595.000
104	Vật tư ngành điện	Cản đơn MB02-D	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000	961.000
105	Vật tư ngành điện	Cản kép MB02-K	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000	1.340.000

325
TỶ
HỮU
IÊN
AN
ẮC
T.P

106	Vật tư ngành điện	Cán đơn MB06-D	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000	686.000
107	Vật tư ngành điện	Cán kép MB06-K	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000	1.013.000
108	Vật tư ngành điện	Cán đơn MB03-D	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000	1.079.000
109	Vật tư ngành điện	Cán kép MB03-K	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000	1.699.000
110	Vật tư ngành điện	Cán đơn MB04-D	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000	1.378.000
111	Vật tư ngành điện	Cán kép MB04-K	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000	1.617.000
112	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 4m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000	1.650.000
113	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 5m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000

IAN VÀ
MA/M2

114	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, da giác, bát giác, tròn côn liền cân cao 6m bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000	2.500.000
115	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, da giác, bát giác, tròn côn liền cân cao 7m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000	2.897.000
116	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, da giác, bát giác, tròn côn liền cân cao 7m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000	3.262.000
117	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, da giác, bát giác, tròn côn liền cân cao 8m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000	3.328.000
118	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, da giác, bát giác, tròn côn liền cân cao 8m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000	4.156.000
119	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, da giác, bát giác, tròn côn liền cân cao 9m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000	3.858.000
120	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, da giác, bát giác, tròn côn liền cân cao 9m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000	4.735.000



121	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên căn cao 10m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000	4.404.000
122	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên căn cao 10m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000	5.033.000
123	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên căn cao 11m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000	5.365.000
124	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên căn cao 11m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000	6.043.000
125	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liên căn cao 12m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000	7.255.000
126	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000	1.550.000
127	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 4m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000	1.700.000

0736
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỰ LẬP

128	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000	2.268.000
129	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 6m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000	3.046.000
130	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000	3.543.000
131	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000	4.591.000
132	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000	4.653.000
133	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000	5.199.000
134	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000

135	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000	6.598.000
136	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 10m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000	6.772.000
137	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 11m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000	7.617.000
138	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 12m, bích 400x400	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000	9.179.000
139	Vật tư ngành điện	Cột đèn thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nặng lự 17m (có bộ điện nung lự, lọng bát 8-12 đèn)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000	97.400.000
140	Vật tư ngành điện	Cột đèn thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nặng lự 20m (có bộ điện nung lự, lọng bát 8-12 đèn)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000	109.400.000
141	Vật tư ngành điện	Cột đèn thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm, nặng lự 25m (có bộ điện nung lự, lọng bát 8-12 đèn)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam					119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000	119.400.000

25-C
Y
TU HAI
N.V.
NG
C
P.H

142	Vật tư ngành điện	Cột đèn thép SS400, dây 4mm, mạ kẽm, nặng hạ 30m (có bộ điện năng hạ, long bất 8-12 đèn)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000	134.000.000
143	Vật tư ngành điện	Cột đèn thép SS400, dây 4mm, mạ kẽm, nặng hạ 35m (có bộ điện năng hạ, long bất 8-12 đèn)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000	158.000.000
144	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dây 4mm, mạ kẽm, đa giác, bất giác, tròn còn cao 13m, bất 2-8 đèn pha	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000	16.500.000
145	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dây 4mm, mạ kẽm, đa giác, bất giác, tròn còn cao 14m, bất 2-8 đèn pha	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000	18.520.000
146	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dây 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bất giác, tròn còn cao 15m, bất 2-8 đèn pha	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000	23.530.000
147	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dây 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bất giác, tròn còn cao 16m, bất 2-8 đèn pha	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000	24.521.000
148	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dây 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bất giác, tròn còn cao 17m, bất 2-8 đèn pha	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000	27.520.000

TIN LẬP
QUY

149	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn còn cao 18m, bắt 2-8 đèn pha	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000	29.670.000
150	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn còn cao 19m, bắt 2-8 đèn pha	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000	33.500.000
151	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
152	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
153	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000
154	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 12.5 tấn (BS EN 124-5:2015)	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000	1.400.000
155	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 25 tấn (BS EN 124-5:2015)	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000	2.050.000
156	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 40 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000	2.450.000



157	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000	1.680.000
158	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000	1.850.000
159	Vật tư ngành nước	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000
160	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 12.5 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000	2.100.000
161	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 25 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000	3.230.000
162	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 40 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000	3.980.000
163	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 12.5 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
164	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 25 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000	3.750.000

3
N
VH
B
C
U
E
N
/E
N

165	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga Composite, Gang KT: (900x900)mm, D700 tại trọng 40 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000
166	Vật tư ngành nước	Nắp thềm thu kết hợp CPS, KT: (1050x745)mm, Tại trọng 12.5 tấn	Cái	(BS EN 124-2:2015), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000	3.600.000
167	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn cân bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vịn đơn 6m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000	12.900.000
168	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn cân bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vịn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000	12.300.000
169	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn cân bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 3,3m dày 4mm, tay vịn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000
170	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn cân bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vịn vuông góc 5m + 2m, dày 4mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
171	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn cân bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 5,6m, tay vịn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000	10.600.000

596
'G'
EMH
DI
SÁ
BÀ
1-T

172	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 4m, tay vịn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000	2.670.000
173	Vật tư ngành điện	Thanh giá treo đèn D60, thép SS400, dày 3mm, mạ kẽm	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000	450.000
174	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, tròn còn bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 2,5m, dày 3mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000	2.140.000
175	Vật tư ngành điện	Đèn LED cạnh báo tín hiệu giao thông màu vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tu điều khiển)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000	9.535.000
176	Vật tư ngành điện	Đèn LED 3 màu xanh, đỏ, vàng (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000	8.056.000
177	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D100, 3 màu xanh, đỏ, vàng D100 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000	5.560.000
178	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D200, 3 màu xanh, đỏ, vàng D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000	6.060.000

179	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D300, 3 màu xanh, đỏ, vàng, D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000	7.970.000
180	Vật tư ngành điện	Đèn LED mũi tên chỉ hướng D300 (Led)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000	2.900.000
181	Vật tư ngành điện	Đèn LED chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000	3.180.000
182	Vật tư ngành điện	Đèn LED Chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000	3.620.000
183	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000	3.835.000
184	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000	5.295.000
185	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
186	Vật tư ngành điện	Đèn LED Di bộ 2 x D200 (Led hình vuông đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000	4.900.000

5/5/2021
HAN
VÀ
3/14/2021

187	Vật tư ngành điện	Đèn LED Di bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000
188	Vật tư ngành điện	Tụ tụ điều khiển tín hiệu giao thông 03 pha, ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, KT: (1000x800x450)mm	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000	52.500.000
189	Vật tư ngành điện	Tụ điều khiển tín hiệu giao thông 02 pha, ổn áp 2000VA, KT: (1000x800x450)mm	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000	32.500.000
190	Vật tư ngành điện	Tụ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 30A-32A-40A-50A (vỏ tu tôn dày 1,2-1,5-2mm)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000
191	Vật tư ngành điện	Tụ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống ồn thất 60A-63A-75A-80A (vỏ tu tôn dày 1,2-1,5-2mm)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000	12.450.000
192	Vật tư ngành điện	Tụ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống ồn thất 100A-150A (vỏ tu tôn dày 1,2-1,5-2mm)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000	13.950.000
193	Vật tư ngành điện	Tụ điện phản phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tu tôn dày 1,2-1,5mm)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000	12.850.000
194	Vật tư ngành điện	Tụ điện phản phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tu tôn dày 2mm)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương				14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000	14.950.000



195	Vật tư ngành điện	Tu điện phản phối 3-12 công tơ tròn bộ 250A-300A (vỏ tu tròn dày 2mm)	Cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)	Công ty TNHH thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam	Đến công trình trên tỉnh Hải Dương			18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000	18.950.000
-----	-------------------	---	-----	-----------------------------------	---	----------	------------------------------------	--	--	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------

2. Giá bán tại địa bàn (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT), không bao gồm các khuyến mại hoặc chiết khấu.

3. Công ty TNHH Thiết Bị Điện và Chiếu Sáng Miền Bắc xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng Hải Dương;
- Sở Tài chính Hải Dương;
- Lưu.

LÃNH ĐẠO CÔNG TY

(Ký tên và đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Phạm Quang Tuấn

